

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 45/2025/HS-PT

Ngày 20 tháng 6 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn.

Các thẩm phán:

Ông Dương Văn Bản.

Ông Hoàng Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khánh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Phùng Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 28/2025/TLPT-HS ngày 07/5/2025 do có kháng cáo của bị cáo Đỗ Thành T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 33/2025/HS-ST ngày 28/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: Đỗ Thành T, sinh năm 1989; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm Y, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn D và bà Đỗ Thị B; có vợ là Đỗ Thị H, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, trước đó không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo do bị cáo mời: Bà Phạm Thị H1, Luật sư Công ty L, thuộc đoàn luật sư thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt (kèm theo bản luận cứ bào chữa cho bị cáo).

*** Ngoài ra còn có 04 người làm chứng:** Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9h 05 phút ngày 08/5/2024, Tổ công tác của Phòng C (PC08), Công an tỉnh T đang làm nhiệm vụ xử lý vi phạm hành chính về trật tự an toàn giao thông đường bộ tại khu vực K + 450 đường Q thuộc tổ dân phố Đ, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên thì phát hiện xe ô tô BKS 20A - 677.20 do Đỗ Thành T (sinh năm 1989, trú tại xóm Y, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên) điều khiển đi quá tốc độ nên đã yêu cầu dừng xe kiểm tra.

Quá trình kiểm tra, Tổ công tác đã yêu cầu T xuất trình các giấy tờ liên quan, sau đó T xuất trình cho Tổ công tác 01 giấy phép lái xe hạng B2 số 190240004138 cấp ngày 30/01/2024 (có giá trị đến ngày 30/01/2034), mang tên Đỗ Thành T và không xuất trình được đăng ký xe ô tô theo quy định. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với Đỗ Thành T về hành vi “Chạy quá tốc độ quy định từ 5km/h đến dưới 10km/h và không có giấy đăng ký xe theo quy định”. Qua kiểm tra, Tổ công tác thấy giấy phép lái xe trên của T xuất trình có dấu hiệu làm giả nên tiến hành tạm giữ để xác minh, giải quyết theo quy định. Ngoài ra tổ công tác còn tạm giữ 01 ô tô BKS 20A - 677.20 do T điều khiển.

Quá trình điều tra T khai nhận: T là học viên đang theo học bằng lái xe B2 tại Trường T1 có địa chỉ tại tổ D, phường T, thành phố T. Vào một buổi trưa khoảng 11 giờ đầu tháng 4 năm 2024, sau buổi học lái xe thực hành. Khi T đang ngồi uống nước tại quán nước đối diện cổng trường, T có gặp và nói chuyện với một người nam giới lạ mặt (T không biết tên tuổi, địa chỉ của người này), chỉ biết có nick Zalo là “Hải Đăng”. Người đó hỏi T “học lái xe bao nhiêu ngày”, T trả lời “96 ngày”, người nam giới nói tiếp “thế có muốn lấy một cái bằng chạy khoảng 03 tháng, với giá là 1.600.000 đồng”, T hỏi “bằng lái xe đó có sử dụng được không”, người nam giới trả lời “sử dụng được, bao toàn bộ dấu, chữ ký”, thấy vậy T đồng ý và đưa tiền cho người nam giới. Khoảng 02 đến 03 ngày sau thì người nam giới nhắn tin bằng zalo cho T yêu cầu gửi ảnh căn cước công dân và ảnh thẻ của T để làm giấy phép lái xe, T đồng ý và thực hiện theo. Khoảng 01 tuần sau thì T nhận được giấy phép lái xe hạng B2, số A, mang tên Đỗ Thành T qua một người giao hàng. Đến khoảng 09 giờ 05 phút ngày 08/5/2024, khi T điều khiển xe ô tô BKS 20A - 677.20 đang lưu thông trên đường Q thuộc tổ dân phố Đ, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên thì bị tổ công tác của Phòng C (PC08) Công an tỉnh T đang làm nhiệm vụ xử lý vi phạm hành chính về trật tự an toàn giao thông đường bộ yêu cầu dừng xe do vi phạm chạy quá tốc độ.

Ngày 11/5/2024, Phòng C Công an tỉnh T có Công văn số 1646/PC08-XLVP gửi đến Sở G đề nghị tra cứu, trả lời xác minh nguồn gốc giấy phép lái xe hạng B2 số 190240004138 cấp ngày 30/01/2024 tạm giữ của Đỗ Thành T. Tại Công văn số 94/SGTVT -QLVTPT&NL ngày 16/5/2024, Sở G trả lời: Sở G không cấp giấy phép lái xe hạng B2 cho người mang tên Đỗ Thành T, sinh ngày 12/12/1989, nơi cư trú xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đến ngày 29/5/2024, Phòng C Công an tỉnh T chuyển hồ sơ vụ việc trên cùng vật chứng đã tạm giữ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Thái Nguyên để tiến hành giải quyết theo quy định.

Ngày 09/7/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P ra Quyết định trưng cầu giám định số 1599/QĐ - CSĐT, quyết định trưng cầu giám định tại Phòng K Công an tỉnh T. Nội dung: Giấy phép lái xe số 190240004138, hạng B2, mang tên Đỗ Thành T, sinh ngày 12/12/1989, nơi cư trú: xóm Y, xã Y, P, Thái Nguyên, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “K” có phải thật không?

Tại Kết luận giám định số 952/KL-KTHS ngày 28/8/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Giấy phép lái xe mang tên Đỗ Thành T, sinh ngày 12/12/1989 ký hiệu K là giả.

Vật chứng vụ án gồm: 01 (Một) giấy phép lái xe số 190240004138, hạng B2, mang tên ĐỖ THÀNH T, sinh ngày 12/12/1989, Nơi cư trú: xóm Y, xã Y, P, Thái Nguyên do Sở giao thông vận tải tỉnh G cấp ngày 30 tháng 01 năm 2024. Được niêm phong trong bì thư ký hiệu “K”.

Đối với 01 xe ô tô BKS 20A - 677.20, ngày 11/5/2024, Phòng C công an tỉnh T đã trả lại cho T quản lý, sử dụng do Quyết định xử phạt được thi hành.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 33/2025/HS-ST ngày 28/3/2025, Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố: Bị cáo Đỗ Thành T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Thành T **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành bản án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 01/4/2024, bị cáo Đỗ Thành T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Đỗ Thành T thừa nhận Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan nhưng bị cáo cho rằng mức hình phạt mà Tòa án sơ thẩm đã tuyên là có phần nghiêm khắc. Bị cáo thấy việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến tính chất của vụ án, hoàn cảnh gia đình khó khăn để xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án **6** tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, đúng quy định. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp án phí hình sự sơ thẩm. Xét thấy, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có căn cứ áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, vừa bảo đảm tính

ng nghiêm minh, vừa tạo điều kiện để bị cáo cải tạo ngoài xã hội, sớm trở thành người có ích cho cộng đồng.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phần tranh luận:

Chủ tọa phiên tòa công bố Quan điểm của luật sư Phạm Thị H1 bào chữa cho bị cáo trình bày trong bản luận cứ xác định: Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên xử phạt bị cáo 06 tháng tù là quá nghiêm khắc, chưa thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với bị cáo, bởi các lý do:

- Thứ nhất, về hoàn cảnh phạm tội của bị cáo: Bị cáo không tự chủ động tìm kiếm để mua Giấy phép lái xe, mà do một người không quen biết chào mua. Do không hiểu biết pháp luật nên bị cáo đồng ý mua.

- Thứ hai, bản án sơ thẩm chưa xem xét hết tới hoàn cảnh, thân nhân, gia đình của bị cáo: Bố bị cáo mất sớm từ khi bị cáo chưa chào đời, bị cáo không được đi học đầy đủ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình nghèo khó, là hộ cận nghèo.

- Thứ ba, bị cáo có đủ điều kiện và kính mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 36 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án phạt cải tạo không giam giữ.

Bị cáo nhất trí như ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo mà chủ tọa đã công bố.

Bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên và Kiểm sát viên cũng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp lệ, đúng pháp luật.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn luật định là hợp lệ, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo, người làm chứng tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 9h 05 phút ngày 08/5/2024, tại khu vực K + 450 đường Q thuộc tổ dân phố Đ, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, Đỗ Thành T đã có hành vi sử dụng 01 giấy phép lái xe số 190240004138, hạng B2 mang tên Đỗ Thành T, sinh ngày 12/12/1989 do Sở giao thông vận tải tỉnh G cấp ngày 30 tháng 01 năm 2024 là giấy phép lái xe giả xuất trình cho Cơ quan Phòng C (PC08), Công an tỉnh T khi đang làm nhiệm vụ để kiểm tra, nhằm mục đích lừa dối Cơ quan Cảnh sát giao thông, tránh bị phát hiện bản thân mình chưa thi sát hạch lái xe ô tô, chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe ô tô theo quy định và để không bị xử phạt về hành vi “Không có giấy phép lái xe ô tô” thì bị phát hiện xử lý.

Tại Kết luận giám định số 952/KL-KTHS ngày 28/8/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Giấy phép lái xe mang tên Đỗ Thành T, sinh ngày 12/12/1989 (ký hiệu K) là giả, điều này hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo.

Hội đồng xét xử nhận thấy: bị cáo T chưa có Giấy phép lái xe (đang theo học lái xe ô tô tại trường T1, tại phường T, thành phố T), không phải là người trực tiếp làm giả giấy tờ mà bị cáo là người sử dụng giấy tờ giả để lừa dối, đối phó với cơ quan chức năng, tránh bị xử phạt vi phạm hành chính về việc không có giấy phép lái xe là thực hiện hành vi trái pháp luật. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Đỗ Thành T về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của Đỗ Thành T “*Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05km/h đến dưới 10km/h; Điều khiển xe ô tô không mang giấy phép lái xe*”, Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật là phù hợp, cụ thể:

Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số G01.823.006-981-24-005919/QĐ-XPHC ngày 11/5/2024, Phòng C, Công an tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính 1.200.000 đồng đối với Đỗ Thành T về hành vi “*Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05km/h đến dưới 10km/h; Điều khiển xe ô tô không mang giấy phép lái xe*”.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính và hoạt động đúng đắn, bình thường, đến uy tín của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về thủ tục cấp giấy phép lái

xe, làm mất trật tự, an ninh tại địa phương. Do vậy cần phải áp dụng pháp luật hình sự đối với bị cáo để răn đe và phòng ngừa chung.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng hành vi phạm tội của bị cáo và tuyên bố bị cáo phạm tội là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, việc cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt 6 tháng tù đối với bị cáo cần được xem xét cho phù hợp với chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự.

Xem xét nhân thân của bị cáo thấy rằng, bị cáo Đỗ Thành T là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại các phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới thể hiện: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) là tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định bản án sơ thẩm. Đây là những tình tiết mới thể hiện sự tự giác chấp hành quyết định của bản án sơ thẩm nên bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, đối chiếu với quy định tại Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Xét thấy không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Do đó, có đủ căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Thành T, giữ nguyên hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

[5] Xét thấy ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo là có căn cứ; mức án đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo Đỗ Thành T được chấp nhận nên bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Thành T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 33/2025/HSST ngày 28/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Thành T phạm tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Đỗ Thành T **06** (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12** (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Thành T cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn giáo dục người được hưởng án treo, Công an xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên trực tiếp thực hiện việc giám sát người được hưởng án treo trong thời gian thử thách.

Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Đỗ Thành T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Đỗ Thành T đã nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0000071 ngày 18/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 33/2025/HSST ngày 28/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 20/6/2025./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Phổ Yên;
- TAND TP. Phổ Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Phổ Yên;
- Bị cáo;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Toàn